

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6

TUẦN 11- HỌC KỲ I

Bài 3. VẼ ĐẸP QUÊ HƯƠNG (tt)

Tiết 41: ÔN TẬP

Câu 1: Tóm tắt nội dung của các văn bản:

Văn bản	Nội dung	Thể loại
<i>Những câu hát dân gian về vẻ đẹp quê hương</i>	Thể hiện vẻ đẹp của quê hương, đất nước qua vẻ đẹp của thiên nhiên tươi đẹp trù phú, của những địa danh gắn liền với lịch sử đấu tranh anh hùng.	Ca dao
<i>Việt Nam quê hương ta</i>	Thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên, của những con người lao động cần cù, chịu khó, truyền thống đấu tranh bất khuất và lòng chung thủy, sự tài hoa của con người Việt Nam.	Thơ lục bát

Câu 2: Chỉ ra đặc điểm của thể thơ lục bát

Sông Tô nước chảy trong ngần

Con thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa

Thon thon hai mũi chèo hoa

Lướt qua lướt lại như là bướm bay.

- **Về vần, nhịp, thanh điệu:** bài thơ có 4 dòng, hai dòng lục (6 tiếng) và hai dòng bát (8 tiếng). Tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất (ngàn – gần) . Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai (xa- hoa -là). Có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thanh bằng thanh trắc trong bài thơ.

- **Về ngôn ngữ:** từ ngữ giản dị nhưng giàu sức gợi, diễn tả cảnh thuyền buồm tấp nập trên dòng sông Tô.

- Tác giả còn sử dụng **biện pháp nghệ thuật nhân hoá** (*thuyền buồm chạy gần chạy xa*), so sánh (*Lướt qua lướt lại như là bướm bay*) khiến cho cảnh vật trở nên gần gũi, thân quen với con người.

Câu 3. Đặc điểm của một đoạn văn chia sẻ về cảm xúc một bài thơ lục bát

Phương diện	Đặc điểm
Hình thức	Đoạn văn được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn xuống dòng.
	Đoạn văn đảm bảo cấu trúc gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.
Nội dung	Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.
	Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ. Thân đoạn: trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ. Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ với bản thân.

Câu 4. Hai kinh nghiệm mà em có được khi viết và trình bày cảm xúc về bài thơ lục bát đã học:

- Thứ nhất: trước khi viết hoặc nói, phải xác định mục đích là gì? người đọc, người nghe là những ai? Điều đó giúp định hướng được nội dung bài viết, tăng hiệu quả giao tiếp.
- Thứ hai, cần tìm những từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc, những biện pháp tu từ mà tác giả sử dụng trong bài thơ. Từ đó, phân tích cái hay, cái đẹp của bài và nêu cảm xúc của mình.

Câu 5. Quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi chúng ta:

Gợi ý:

Với mỗi người, hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí khác nhau; chốn bình yên, được tự do vui chơi và nô đùa, được đi thả diều trên triền đê, ăn những trái cây chín mọng trong vườn.

Quê hương có ý nghĩa quan trọng với mỗi người bởi đó là nơi chôn rau cắt rốn, có tổ tiên, ông bà, họ hàng để nhắc nhở ta nhớ về cội nguồn của chính mình.

Để quê hương ngày càng đẹp hơn, mỗi người cần có trách nhiệm đóng góp và xây dựng bằng nhiều cách khác nhau: giữ gìn vệ sinh, không đổ rác bừa bãi, trồng thêm cây xanh, tôn tạo các công trình văn hoá như đền chùa, di tích lịch sử... Bên cạnh đó, mỗi người con của quê hương cần phấn đấu học thật giỏi và sau này quay về xây dựng, phát triển quê hương ngày càng giàu đẹp.

Bài 4. NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI

Tiết 42, 43, 44: TRI THỨC NGŨ VĂN - TRUYỆN ĐỒNG THOẠI; BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

A. TRI THỨC NGŨ VĂN:

1. Khái niệm:

- Đồng thoại là thể loại văn học dành cho thiếu nhi....

2. Đặc điểm:

a. Nhân vật:

- Nhân vật trong truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa

→ Chúng vừa phản ánh đặc điểm, sinh hoạt của loài vật vừa thể hiện đặc điểm của con người

b. Cốt truyện:

- Thường chăm chú vào việc truyền đạt một bài học giáo dục nào đó cho các em.
- Nhiều đồng thoại sử dụng cốt truyện phiêu lưu.
- Cần chú ý đến lời kể chuyện và thời điểm kể chuyện.

B. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN “BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN”

I. Đọc - tìm hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Tô Hoài: Tên khai sinh là Nguyễn Sen (1920 – 2014), quê ở Hà Nội.
- Là nhà văn lớn, sáng tác nhiều thể loại (truyện ngắn, truyện dài, hồi kí, tự truyện). Số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Trong đó có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi.

Tác phẩm tiêu biểu viết cho thiếu nhi: *Võ sĩ Bọ Ngựa, Dê và Lợn, Đôi ri đá, Chuyện nỏ thần, Dế Mèn phiêu lưu kí...*

2. Tác phẩm:

- “**Dế mèn phiêu lưu ký**” (1941) là **truyện đồng thoại dành cho lứa tuổi thiếu nhi**, tác phẩm đã được dịch ra 40 thứ tiếng trên thế giới. Trong truyện, nhân vật chính là Dế Mèn, cậu đã trải qua muôn vạn cuộc phiêu lưu thử thách đầy mạo hiểm. Ở chặng đường ấy là những bài học giúp Dế Mèn trưởng thành và trở thành một chàng Dế cao thượng. Chúng ta có thể đúc kết kinh nghiệm từ chính nhân vật Dế Mèn, đó là đi một ngày đàng học một sàng khôn.

- **Vị trí đoạn trích:** Trích chương I của “Dế Mèn phiêu lưu ký”.

- **Độc- kể tóm tắt (theo ngôi thứ nhất).**

Các sự việc chính:

- Miêu tả Dế Mèn: Tả hình dáng, cử chỉ, hành động.
- Kể về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn:
 - + Dế Mèn coi thường Dế Choắt.
 - + Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.

3. Bố cục: 2 phần

- **Phần 1:** từ đầu đến “Tôi càng tưởng tôi là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi”: Miêu tả hình dáng, tính cách của Dế Mèn.

- **Phần 2:** Đoạn còn lại: Diễn biến câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

II. Đọc - hiểu văn bản:

1. Nhân vật

a. Nhân vật Dế Mèn

- Chi tiết tả hình dáng, hành động Dế Mèn: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng.... Đạp phanh phách, nhai ngoàm ngoạm, trịnh trọng vuốt râu.

- Thái độ của Dế Mèn: cà khịa với tất cả mọi người, quát mắng chị Cào Cào, đá ghẹo anh Gọng Vó...
- Thái độ đối với Dế Choắt: tỏ thái độ, chê bai, trịch thượng, , kẻ cả coi thường Dế Choắt, không giúp đỡ Dế choắt đào hang sâu.
- ➔ Không sống chan hòa ; ích kỉ, hẹp hòi ; Vô tình, thờ ơ, không rung động, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.

=> Nghệ thuật:

- + Kể chuyện kết hợp miêu tả;
- + So sánh, tính từ gọi hình gọi tả (*mầm bóng, nhọn hoắt, bóng mờ, đen nhánh ...*)
- + Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)
- + Giọng văn sôi nổi.

b. Nhân vật Dế Choắt

- Hình dáng

- + Như gã nghiện thuốc phiện.
- + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.
- + Hôi như cú mèo.
- + Có lớn mà không có khôn.
- Cách xưng hô của Dế Mèn: gọi “chú mày”
- Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu. Dế Mèn thẳng thừng từ chối không giúp đỡ, thậm chí còn miệt thị Dế Choắt: hôi hám...

2. Cốt truyện:

a. Thời điểm kể chuyện

Thời điểm Dế Mèn kể lại cho chúng ta nghe bài học đường đời đầu tiên là sau cái chết của Dế Choắt.

b. Lời của người kể chuyện:

- Giống: Đều là lời của Dế Mèn
- Khác:

Lời kể của Dế Mèn	Lời đối thoại của Dế Mèn
Là lời Dế Mèn kể lại câu truyện (ngôi thứ I)	Là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại)

c. Bài học của truyện (sau cái chết của Dế Choắt)

- Trò đùa trêu ghẹo chị Cốc của Dế Mèn đã dẫn đến cái chết cho Dế Choắt
- Tâm trạng
- + Dế Mèn ân hận: Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn tội mình, chôn xác Dế Choắt vào

bụi cỏ um tùm.

→ Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sinh động, hợp lí: từ thái độ kiêu ngạo, hống hách sang ăn năn, hối hận.

➔ Như vậy Dế Mèn còn có tình cảm đồng loại ; biết hối hận, biết hướng thiện.

- Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau cái chết của Dế Choắt: Thói ngông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.

- Việc tác giả sử dụng ngôi kể thứ nhất, cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình đã khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc của mình khi trải qua.

❖ Bài học rút ra:

+ Bài học về cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác

+ Bài học về tình thân ái, chan hòa.

III. Tổng kết:

1. Nghệ thuật:

- Kể chuyện kết hợp với miêu tả.

- Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.

- Các phép tu từ.

- Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.

- Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại.

2. Nội dung:

- Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.

- Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm...

*PHIẾU BÀI TẬP

Bài tập 1: Chọn đáp án đúng:

Câu 1: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ tác phẩm nào?

A. Đất rừng phương Nam.

B. Dế Mèn phiêu lưu kí.

C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

D. Những năm tháng cuộc đời.

Câu 2: Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

A. Chương I

B. Chương III

C. Chương VI

D. Chương X

Câu 3: Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn.

- B. Dế Mèn và chị Cốc.
- C. Dế Mèn và Dế Choắt.
- D. Chị Cốc và Dế Choắt.

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là

- A. Tự sự
- B. Biểu cảm
- C. Miêu tả
- D. Nghị luận

Câu 5: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được kể lại theo lời

- A. Dế Mèn.
- B. Chị Cốc.
- C. Dế Choắt.
- D. Tác giả.

Câu 6: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

- A. Ôm yếu, gầy gò và xanh xao.
- B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.
- C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.
- D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

Câu 7: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* như thế nào?

- A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.
- B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,
- C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.
- D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

Câu 8: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

- A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.
- B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.
- C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

Bài tập 4. Viết một đoạn văn khoảng 5- 7 câu nói lên cảm xúc của mình về tình nghĩa xóm làng:

.....

.....

.....

.....

IV. Phản hồi ý kiến của học sinh:

.....

.....

.....

.....

DẶN DÒ:

- Học bài theo nội dung đã ghi, hoàn thành phiếu bài tập.
- Chuẩn bị bài TT:
 - + Giọt sương đêm
 - + Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ
 - + Cô gió mát tên
 - + Tri thức tiếng Việt - Thực hành tiếng Việt

